

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm vật tư, hóa chất vi sinh sử dụng cho khoa Huyết học – Vi sinh – SHPT của Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh – khu Minh Khai, phường Đại Yên, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Phạm Anh Tuấn, Phó khoa – Phụ trách khoa Dược, SĐT: 0915.694.888, email: duocsannhi@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh – khu Minh Khai, phường Đại Yên, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Nhận qua email: duocsannhi@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h00 ngày 16 tháng 4 năm 2025 đến trước 09h00 ngày 28 tháng 4 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 28 tháng 4 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục mua sắm vật tư, hóa chất vi sinh:

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
I. Hóa chất sử dụng cho Máy đo pH/mV/C				
1	Chất chuẩn đo pH 4.01	Đạt tiêu chuẩn ISO.	ml	500
2	Chất chuẩn đo pH 7.01	Đạt tiêu chuẩn ISO.	ml	500
3	Dung dịch rửa điện cực	Đạt tiêu chuẩn ISO.	ml	500
4	Dung dịch bảo quản điện cực	Đạt tiêu chuẩn ISO.	ml	500

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	Kali Clorua 3.5 Mol			
II. Khoanh giấy kháng sinh đồ				
5	Khoanh giấy Oxidase	- Khoanh giấy Oxidase được sử dụng để phát hiện sản xuất oxidase với các vi sinh vật như Neisseria, Campylobacter, Pseudomonas... - Đường kính khoanh giấy 10mm. - Bảo quản ở 2°C - 8°C	Khoanh	500
6	Khoanh giấy kháng sinh Cefotaxime 30ug	- Khoanh giấy Cefotaxime có nồng độ 30 µg dùng để kiểm tra tính nhạy cảm của vi khuẩn theo phương pháp Bauer-Kirby. - Mỗi khoanh đường kính 6mm. - Bảo quản: -20°C, trong điều kiện khô ráo.	Khoanh	500
7	Khoanh giấy kháng sinh Azithromycin 15ug	- Khoanh giấy Azithromycin có nồng độ 15 µg dùng để kiểm tra tính nhạy cảm của vi khuẩn theo phương pháp Bauer-Kirby. - Mỗi khoanh đường kính 6mm. - Bảo quản: -20°C, trong điều kiện khô ráo.	Khoanh	500
8	Khoanh giấy kháng sinh Cefepime 30ug	- Khoanh giấy Cefepime có nồng độ 30 µg dùng để kiểm tra tính nhạy cảm của vi khuẩn theo phương pháp Bauer-Kirby. - Mỗi khoanh đường kính 6mm. - Bảo quản: -20°C, trong điều kiện khô ráo.	Khoanh	250
9	Khoanh giấy kháng sinh Ceftriaxone 30ug	- Khoanh giấy Ceftriaxone có nồng độ 30 µg dùng để kiểm tra tính nhạy cảm của vi khuẩn theo phương pháp Bauer-Kirby. - Mỗi khoanh đường kính 6mm. - Bảo quản: -20°C, trong điều kiện khô ráo.	Khoanh	500
10	Khoanh giấy kháng sinh Amikacin 30ug	- Khoanh giấy Amikacin có nồng độ 30µg dùng để kiểm tra tính nhạy cảm của vi khuẩn theo phương pháp Bauer-Kirby. - Mỗi khoanh đường kính 6mm. - Bảo quản: -20°C đến +8°C, trong điều kiện khô ráo.	Khoanh	250
11	Khoanh giấy Optochin.	- Khoanh giấy Optochin được sử dụng để phân biệt Streptococcus pneumoniae và Viridans Streptococci. - Nồng độ Optochin 5mcg - Đường kính đường kính 6 mm.	Khoanh	250
12	Khoanh giấy kháng sinh Ampicillin 10µg	- Khoanh giấy Ampicillin nồng độ 10µg dùng để kiểm tra tính nhạy cảm của vi khuẩn theo phương pháp Bauer-Kirby. - Mỗi khoanh đường kính 6mm. - Bảo quản: -20°C trong điều kiện khô ráo.	Khoanh	500
13	Khoanh giấy kháng sinh Ampicillin/Sulbactam 10/10 µg	- Khoanh giấy Ampicillin/Sulbactam có nồng độ 20 µg dùng để kiểm tra tính nhạy cảm của vi khuẩn theo phương pháp Bauer-Kirby. - Mỗi khoanh đường kính 6mm. - Bảo quản: -20°C trong điều kiện khô ráo.	Khoanh	500
14	Khoanh giấy kháng sinh Amoxycillin/clavulanic acid 20/ 10 µg	- Khoanh giấy Amoxycillin/ Clavulanic acid có nồng độ 20/10mcg dùng để kiểm tra tính nhạy cảm của vi khuẩn theo phương pháp Bauer-Kirby.	Khoanh	500

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		- Mỗi khoan giấy đường kính 6mm. - Bảo quản: -20°C trong điều kiện khô ráo.		
15	Khoanh giấy kháng sinh Cefuroxime 30µg	- Khoanh giấy Cefuroxime nồng độ 30µg dùng để kiểm tra tính nhạy cảm của vi khuẩn theo phương pháp Bauer-Kirby. - Mỗi khoan giấy đường kính 6mm. - Bảo quản: -20°C trong điều kiện khô ráo.	Khoanh	500
16	Khoanh giấy kháng sinh Chloramphenicol 30µg	- Khoanh giấy Chloramphenicol có nồng độ 30µg dùng để kiểm tra tính nhạy cảm của vi khuẩn theo phương pháp Bauer-Kirby. - Mỗi khoan giấy đường kính 6mm. - Bảo quản: -20°C đến +8°C trong điều kiện khô ráo.	Khoanh	250
17	Khoanh giấy kháng sinh Ciprofloxacin 5µg	- Khoanh giấy Ciprofloxacin có nồng độ 5 µg dùng để kiểm tra tính nhạy cảm của vi khuẩn theo phương pháp Bauer-Kirby. - Mỗi khoan giấy đường kính 6mm. - Bảo quản: -20°C đến +8°C trong điều kiện khô ráo.	Khoanh	500
18	Khoanh giấy kháng sinh Clindamycin 2µg	- Khoanh giấy Clindamycin có nồng độ 2 µg dùng để kiểm tra tính nhạy cảm của vi khuẩn theo phương pháp Bauer-Kirby. - Mỗi khoan giấy đường kính 6mm. - Bảo quản: -20°C đến +8°C trong điều kiện khô ráo.	Khoanh	250
19	Khoanh giấy kháng sinh Erythromycin 15µg	- Khoanh giấy Erythromycin có nồng độ 15 µg dùng để kiểm tra tính nhạy cảm của vi khuẩn theo phương pháp Bauer-Kirby. - Mỗi khoan giấy đường kính 6mm. - Bảo quản: -20°C đến +8°C trong điều kiện khô ráo.	Khoanh	500
20	Khoanh giấy kháng sinh Gentamicin 10µg	- Khoanh giấy Gentamicin có nồng độ 10 µg dùng để kiểm tra tính nhạy cảm của vi khuẩn theo phương pháp Bauer-Kirby. - Mỗi khoan giấy đường kính 6mm. - Bảo quản: -20°C đến +8°C trong điều kiện khô ráo.	Khoanh	250
21	Khoanh giấy kháng sinh Imipenem 10µg	- Khoanh giấy Imipenem được sử dụng trong kỹ thuật khuếch tán đĩa. - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoan giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Khoanh giấy được tẩm Imipenem có nồng độ 10 µg - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ	Khoanh	500
22	Khoanh giấy kháng sinh Vancomycin 30µg	- Khoanh giấy Vancomycin nồng độ 30µg dùng để kiểm tra tính nhạy cảm của vi khuẩn theo phương pháp Bauer-Kirby. - Mỗi khoan giấy đường kính 6mm. - Bảo quản: -20°C đến +8°C trong điều kiện khô ráo.	Khoanh	500
23	Khoanh giấy kháng sinh Meropenem 10µg	Khoanh giấy Meropenem nồng độ 10µg.	Khoanh	500
24	Khoanh giấy kháng sinh Piperacillin/ tazobactam 100/10 µg	- Khoanh giấy Piperacillin/ tazobactam có nồng độ 100/10 mcg dùng để kiểm tra tính nhạy cảm của vi khuẩn theo phương pháp Bauer-Kirby.	Khoanh	250

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		- Mỗi khoan giấy đường kính 6mm. - Bảo quản: -20°C trong điều kiện khô ráo.		
25	Khoanh giấy kháng sinh Trimethoprim/ sulphamethoxazole: 1,25/ 23,75 µg	- Khoanh giấy Co-Trimoxazole (Trimethoprim/ Sulphamethoxazole) nồng độ 1.25/23.75 mcg dùng để kiểm tra tính nhạy cảm của vi khuẩn theo phương pháp Bauer-Kirby. - Mỗi khoan giấy đường kính 6mm. - Bảo quản: -20°C đến +8°C trong điều kiện khô ráo.	Khoanh	500
26	Khoanh giấy kháng sinh Cefotaxime 30µg	- Khoanh giấy Cefotaxime có nồng độ 30µg dùng để kiểm tra tính nhạy cảm của vi khuẩn theo phương pháp Bauer-Kirby. - Mỗi khoan giấy đường kính 6mm. - Bảo quản: -20°C trong điều kiện khô ráo.	Khoanh	500
27	Khoanh giấy có chứa yếu tố X	- Khoanh giấy yếu tố X được sử dụng để phân biệt các loài Haemophilus. - Đường kính khoan giấy 6mm. - Bảo quản ở nhiệt độ từ 2°C - 8°C	Khoanh	250
28	Khoanh giấy có chứa yếu tố V	- Khoanh giấy yếu tố V được sử dụng để phân biệt các loài Haemophilus. - Đường kính khoan giấy 6mm. - Bảo quản dưới - 10°C	Khoanh	250
29	Khoanh giấy có chứa yếu tố XV	- Khoanh giấy yếu tố X+V được sử dụng để phân biệt các loài Haemophilus. - Đường kính khoan giấy 6mm. - Bảo quản ở dưới -10°C	Khoanh	250
III. Mẫu chuẩn, chủng chuẩn và ống lưu giữ chủng chuẩn				
30	Chủng chuẩn Enterobacter hormaechei ATCC 700323	Que cấy đầu vòng tròn chứa vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định sử dụng với mục đích kiểm tra chất lượng. Mỗi que cấy đầu tròn (bộ) được đóng gói độc lập trong giấy bạc. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 5 que.	Hộp	1
31	Chủng chuẩn Enterococcus casseliflavus ATCC 700327	Que cấy đầu vòng tròn chứa vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định sử dụng với mục đích kiểm tra chất lượng. Mỗi que cấy đầu tròn (bộ) được đóng gói độc lập trong giấy bạc. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 5 que.	Hộp	1
32	Chủng chuẩn Escherichia coli ATCC 25922	Que cấy đầu vòng tròn chứa vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định sử dụng với mục đích kiểm tra chất lượng. Mỗi que cấy đầu tròn (bộ) được đóng gói độc lập trong giấy bạc. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 5 que.	Hộp	2
33	Chủng chuẩn Staphylococcus aureus subsp. Aureus ATCC 29213	Que cấy đầu vòng tròn chứa vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định sử dụng với mục đích kiểm tra chất lượng. Mỗi que cấy đầu tròn (bộ) được đóng gói độc lập trong giấy bạc. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 5 que.	Hộp	3
34	Chủng chuẩn Staphylococcus aureus ATCC BAA-977	Que cấy đầu vòng tròn chứa vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định sử dụng với mục đích kiểm tra chất lượng. Mỗi que cấy đầu tròn (bộ) được đóng gói độc lập trong giấy bạc. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 5 que.	Hộp	1

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
35	Chủng chuẩn Haemophilus Influenzae ATCC 49247	Que cấy đầu vòng tròn chứa vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định sử dụng với mục đích kiểm tra chất lượng. Mỗi que cấy đầu tròn (bộ) được đóng gói độc lập trong giấy bạc. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 5 que.	Hộp	2
36	Chủng chuẩn Streptococcus pyogenes ATCC 19615	Que cấy đầu vòng tròn chứa vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định sử dụng với mục đích kiểm tra chất lượng. Mỗi que cấy đầu tròn (bộ) được đóng gói độc lập trong giấy bạc. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 5 que.	Hộp	1
37	Chủng chuẩn Streptococcus pneumoniae ATCC 49619	Que cấy đầu vòng tròn chứa vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định sử dụng với mục đích kiểm tra chất lượng. Mỗi que cấy đầu tròn (bộ) được đóng gói độc lập trong giấy bạc. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 5 que.	Hộp	1
38	Chủng chuẩn Staphylococcus saprophyticus ATCC BAA-750	Que cấy đầu vòng tròn chứa vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định sử dụng với mục đích kiểm tra chất lượng. Mỗi que cấy đầu tròn (bộ) được đóng gói độc lập trong giấy bạc. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 5 que.	Hộp	1
39	Chủng chuẩn Eikenella corrodens ATCC BAA - 1152	Que cấy đầu vòng tròn chứa vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định sử dụng với mục đích kiểm tra chất lượng. Mỗi que cấy đầu tròn (bộ) được đóng gói độc lập trong giấy bạc. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 5 que.	Hộp	1
40	Chủng chuẩn Stenotrophomonas maltophilia ATCC 17666	Que cấy đầu vòng tròn chứa vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định sử dụng với mục đích kiểm tra chất lượng. Mỗi que cấy đầu tròn (bộ) được đóng gói độc lập trong giấy bạc. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 5 que.	Hộp	1
41	Chủng chuẩn Candida albicans ATCC 14053	Que cấy đầu vòng tròn chứa vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định sử dụng với mục đích kiểm tra chất lượng. Mỗi que cấy đầu tròn (bộ) được đóng gói độc lập trong giấy bạc. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 5 que.	Hộp	1
42	Chủng chuẩn Candida parasilosis ATCC 22019	Que cấy đầu vòng tròn chứa vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định sử dụng với mục đích kiểm tra chất lượng. Mỗi que cấy đầu tròn (bộ) được đóng gói độc lập trong giấy bạc. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 5 que.	Hộp	1
43	Chủng chuẩn Candida krusei ATCC 6258	Que cấy đầu vòng tròn chứa vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định sử dụng với mục đích kiểm tra chất lượng. Mỗi que cấy đầu tròn (bộ) được đóng gói độc lập trong giấy bạc. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 5 que.	Hộp	1
44	Chủng chuẩn Pseudomonas aeruginosa ATCC 27853	Que cấy đầu vòng tròn chứa vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định sử dụng với mục đích kiểm tra chất lượng. Mỗi que cấy đầu tròn (bộ) được đóng gói độc lập trong giấy bạc. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 5 que.	Hộp	1
45	Ổng lưu giữ chủng chuẩn	Ổng môi trường bảo quản chủng vi sinh vật. Mỗi ống chứa các hạt có thể kết dính các vi sinh vật và dung dịch bảo quản lạnh ưu trương. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 9001. Hộp ≥ 64 ống.	Hộp	2

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
IV. Hóa chất, vật tư dùng cho máy xét nghiệm định danh vi khuẩn VITEK 2				
46	Thẻ kháng sinh đồ vi khuẩn Gram (+)	Thẻ làm kháng sinh đồ Gram dương dùng cho vi khuẩn liên cầu. Mỗi thẻ chứa các kháng sinh chọn lọc ở các nồng độ khác nhau, được sấy khô với môi trường nuôi cấy vi sinh. Sử dụng được với máy VITEK 2. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Thẻ	140
47	Hóa chất dùng để căn chuẩn cho máy	Hộp 4 ống nồng độ 0 (trắng), 0.5, 2, 3 McFarland để kiểm tra hiệu quả đo của thiết bị Densicheck Plus. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 9001.	Hộp	1
V. Hoá chất, vật tư khác				
48	Dầu soi kính hiển vi	Dầu soi dùng được cho kính hiển vi.	ml	2.000

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Vận chuyển và bàn giao tại Kho Khoa Dược – Tầng 4 nhà B – Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán theo từng đợt giao hàng, sau khi bên mua nhận được đầy đủ chứng từ, biên bản bàn giao và nghiệm thu.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, TCU



Bùi Minh Cường



PHỤ LỤC
BẢO GIÁ

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi ... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Số văn bản ban hành kết quả phân loại/ số đăng ký lưu hành/ Số giấy phép nhập khẩu (Đối với mặt hàng là TBVT)	Thông số kỹ thuật cơ bản	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng/khối lượng	Đơn giá (VAT) (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND)	Thành tiền(11) (VND)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Thiết bị A											
2	Thiết bị B											
3												

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật, văn bản ban hành kết quả phân loại/ số đăng ký lưu hành/ Số giấy phép nhập khẩu và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi ngàytháng....năm.... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

Ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà
cung cấp

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))